



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2019

Ngành: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
 Chuyên ngành: *Quản trị doanh nghiệp thủy sản*
 Mã số ngành: **7340101**

Số tín chỉ tích lũy: **133** tín chỉ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	40	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			40	40	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
2	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
3	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
4	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			6	6	0	0	0	0	
1	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3					
2	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			12	12	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
2	MAN201	Quản trị học	3	3					
3	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
4	ACC201	Kế toán đại cương	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
2	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			3	3	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			9	0	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1		3					
2	NAS202	Toán cao cấp		3					
3	INT201	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
4	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2		3					ENG201
5	PSY201	Tâm lý học đại cương		3					
6	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
7	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
8	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
9	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt		3					
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	59	0	13	0	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			18	17	0	1	0	0	
II.1a. Phần bắt buộc			12	11	0	1	0	0	
1	ECO302	Kinh tế lượng	3	3					
2	ECO303	Kinh tế vi mô	3	3					
3	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3	3					
4	AQA301	Nhập môn ngành QTDNTS	2	2					
5	AQA306	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
II.1b. Phần tự chọn			6	6	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ		3					
2	ACC409	Kế toán quản trị		3					
3	PUR410	Quan hệ công chúng	3	3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)							
4	MAN406	Quản trị bán hàng		3					
5	HUR408	Quản trị nhân sự	3	3					
6	BUS306	Thương mại điện tử		3					
II.2. Các học phần chuyên ngành			49	42	0	7	0	0	
II.2a. Phần bắt buộc			34	27	0	7	0	0	
1	AQA405	Thủy sản đại cương	3	3					
2	AQA407	Bảo quản và chế biến thủy sản	3	3					
3	AQA408	Công nghệ nuôi trồng thủy sản	3	3					
4	AQA411	Dinh dưỡng thức ăn thủy sản	3	3					
5	AQA401	Sinh hóa đại cương	3	3					
6	AQA403	Sinh học đại cương	3	3					
7	AQA404	Sinh học thủy sản	3	3					
8	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	3					
9	AQA413	Sản xuất sạch hơn	3	3					
10	AQA420	Kiến tập ngành nghề QTDNTS	1			1			
11	AQA421	Thực tập cơ sở QTDNTS	3			3			
12	AQA422	Thực tập nghề nghiệp QTDNTS	3			3			
II.2b. Phần tự chọn			15	15	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	MAR420	Quản trị thương hiệu		3					
2	BUS431	Văn hóa doanh nghiệp		3					
3	SUC410	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3	3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)							
4	MAR419	Quản trị marketing dịch vụ		3					
5	AQA409	Bệnh học thủy sản	3	3					
6	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)							

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
7	AQA410	Công nghệ sản xuất giống thủy sản	3	3					
8	AQA415	Quản lý nghề cá		3					
9	MAN409	Quản trị chiến lược		3					
		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>							
10	MAN416	Quản trị thương mại điện tử	3	3					
11	AQA414	Quản lý môi trường nước trong thủy sản		3					
12	FIN415	Quản trị rủi ro tài chính		3					
		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>							
13	MAN407	Quản trị chăm sóc khách hàng	3	3					
14	BUS421	Lập kế hoạch kinh doanh		3					
15	AQA402	Vi sinh đại cương		3					
		<i>Các HP tự chọn thay thế KLTN:</i>	12						
16	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3	3					
17	AQA416	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	3	3					
18	AQA419	Thương mại thủy sản quốc tế	3	3					
19	AQA412	Kinh tế tài nguyên thủy sản	3	3					
II.3. Các học phần tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	AQA522	Thực tập tốt nghiệp	5			5			
2	AQA523	Khóa luận tốt nghiệp	12					12	
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY			11	0	3	0	0	0	
1		Tin học chuẩn đầu ra							
2		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
3		Kỹ năng mềm							
4	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
5	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
6	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
7	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						